

Bản tin Phân tích kỹ thuật

15/06/2026

Vietcap ▲



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 tăng điểm từ đầu ngày và đà tăng duy trì sự áp đảo đến cuối phiên nhờ đóng cửa trên các đường MA20, MA50 và MA200. (M5)
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, hợp đồng nhiều khả năng sẽ tăng giá tiếp cận vùng 1.975 điểm (vùng giá cao phiên 12/06). Khuyến nghị mở vị thế mua và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.960 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.964 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.975 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.960 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Trung tính	Tiêu cực
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Tích cực	Tích cực

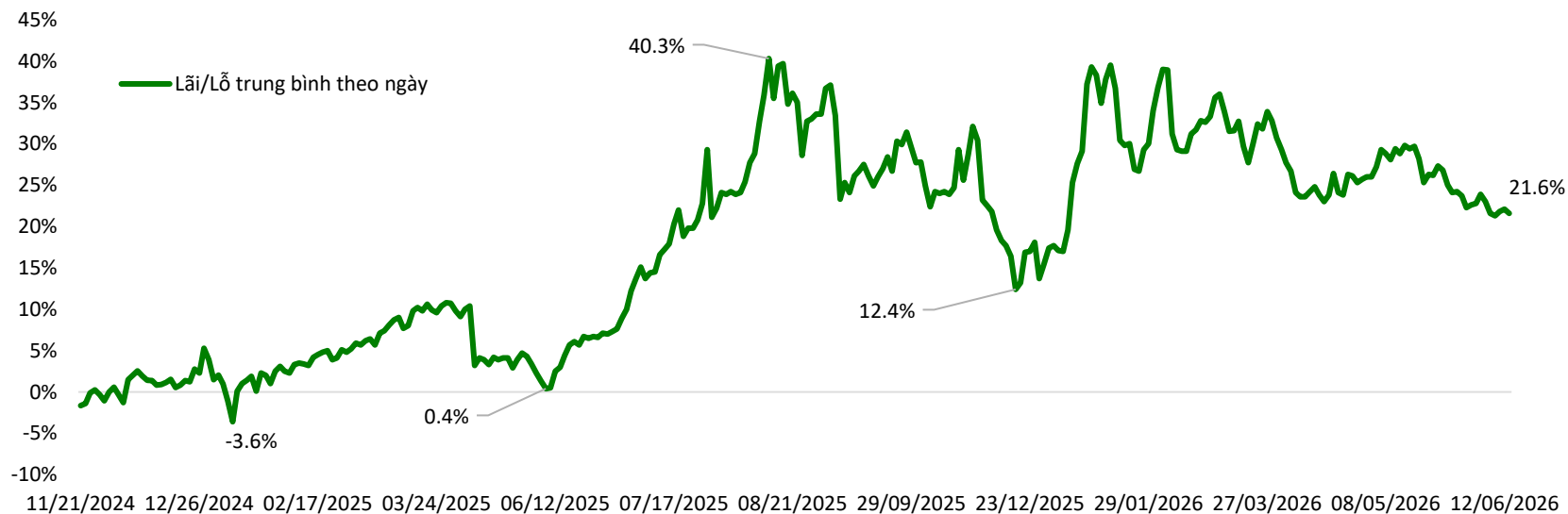


Nguồn: Vietcap

- VN-Index thu hẹp hoàn toàn đà giảm sau khi tiếp cận vùng 1.775 điểm, nhờ lực mua cải thiện rõ hơn trong phiên. Hoạt động mua lan tỏa nổi bật tại Bất động sản, Chứng khoán, Vật liệu, Bán lẻ và Tiêu dùng. Ngược lại, áp lực bán ở mức cao tại nhóm Dầu khí.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index đảo chiều từ vùng 1.775 điểm và đóng cửa trên MA5, cho thấy đà hồi phục đang chiếm ưu thế trở lại. Theo đó, chỉ số có khả năng kiểm định vùng kháng cự gần 1.835–1.845 điểm trong các phiên tới. Hỗ trợ ngắn hạn hiện nằm tại vùng 1.775 điểm.
- Đánh giá tổng quan, nhịp giảm về vùng 1.775 điểm chủ yếu chịu tác động từ nhóm Vingroup, trong khi phần còn lại của thị trường duy trì sắc xanh diện rộng với biên độ tăng ổn định. Đáng chú ý, phiên 15/06 ghi nhận lực mua lan tỏa tốt nhất kể từ khi nhịp điều chỉnh bắt đầu từ 21/05, qua đó gia tăng xác suất hình thành đáy ngắn hạn tại vùng hỗ trợ 1.775 điểm. Tuy nhiên, VN-Index vẫn có thể rung lắc trong một vài phiên tới nếu áp lực từ nhóm Vingroup tiếp diễn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	48,500	47,500	2.1%	46,000	53,600		
PLX	05/06/2026	15/06/2026	Dừng lỗ	39,700	41,150	-3.5%	39,700	47,800		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	192,600	-1.48%	-1.23%	1,484,182	-4.011	1,506	10.0	127.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	136,100	-1.87%	-7.23%	559,019	-1.909	15,766	2.1	8.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	24,350	4.96%	4.51%	205,586	1.857	2,499	1.5	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	40,750	6.96%	4.49%	113,036	1.433	2,202	2.5	18.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	26,500	-5.69%	-7.34%	132,693	-1.377	2,612	1.9	10.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	82,600	-2.94%	-1.55%	199,310	-1.067	4,808	2.9	17.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HVN	22,600	6.86%	6.86%	70,320	0.878	3,035	6.8	7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	79,400	3.93%	3.93%	116,593	0.834	5,552	3.3	14.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BID	41,600	1.34%	1.46%	302,851	0.739	4,392	1.6	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	27,150	6.89%	4.83%	50,906	0.639	2,263	1.5	12.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	31,700	1.44%	2.76%	224,634	0.589	3,677	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	88,600	1.84%	-0.45%	158,886	0.532	1,405	4.2	63.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	25,200	1.41%	2.44%	202,986	0.521	3,442	1.4	7.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	34,350	2.84%	5.05%	83,639	0.433	1,791	2.8	19.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
CTG	33,700	0.90%	1.35%	261,746	0.428	4,906	1.4	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	166,200	9.99%	15.82%	63,987	6.652	271	14.4	612.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	78,000	-1.76%	-6.92%	70,183	-1.287	14,074	4.0	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBS	20,000	4.17%	4.17%	20,019	0.868	1,798	2.4	11.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	18,900	3.85%	5.00%	17,000	0.680	1,463	1.3	12.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	37,400	-2.86%	-1.58%	19,127	-0.568	3,781	1.2	9.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KSV	152,000	1.33%	-1.62%	30,400	0.422	13,090	5.1	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHT	67,400	3.69%	0.30%	6,105	0.234	457	5.6	147.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAB	11,600	1.75%	3.57%	12,437	0.227	1,135	0.9	10.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIF	16,600	3.75%	4.40%	5,810	0.227	1,382	1.1	12.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NVB	12,600	0.80%	7.69%	24,250	0.202	43	1.8	291.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	45,400	3.89%	3.89%	160,488	0.212	2,980	2.2	15.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	90,100	0.90%	-0.44%	274,896	0.084	3,657	6.2	24.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SJG	24,000	-5.88%	-4.00%	11,104	-0.022	3,937	1.4	6.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	13,800	-4.17%	-6.12%	14,288	-0.020	892	1.3	15.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	43,800	-9.50%	-8.56%	5,475	-0.018	1,641	2.2	26.7	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCV	138,000	-10.39%	-6.76%	4,306	-0.015	0	0.0	0.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ABB	17,000	1.80%	6.25%	23,568	0.014	3,144	1.3	5.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	34,000	3.03%	3.03%	13,529	0.014	589	3.1	57.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PHP	39,100	3.17%	6.25%	12,707	0.014	3,024	2.0	12.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	39,000	0.78%	0.26%	43,001	0.011	700	3.4	55.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	166,200	10.0%	10.7	5.4	25,400	160,000	14.4	612.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	17,000	1.8%	11.0	15.5	7,311	16,900	1.3	5.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	9,400	4.4%	26.3	17.4	5,182	9,000	0.9	38.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGĐ ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	4,800	9.1%	24.0	4.7	1,500	8,100	-1.6	-1.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
APG	5,230	1.2%	11.4	1.5	4,240	12,950	0.5	373.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GMD	79,600	4.7%	326.1	94.5	51,540	82,020	2.5	17.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HVN	22,600	6.9%	27.5	10.5	19,300	38,250	6.8	7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	45,400	3.9%	74.0	34.6	42,900	67,100	2.2	15.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			15/06/2026	12/06/2026	11/06/2026	10/06/2026	09/06/2026	08/06/2026	05/06/2026	04/06/2026
VNINDEX	MA200	Trên	25%	23%	23%	24%	22%	22%	24%	24%
		Dưới	75%	77%	77%	76%	78%	78%	76%	76%
	MA50	Trên	30%	27%	29%	27%	26%	27%	31%	32%
		Dưới	70%	73%	71%	73%	74%	73%	69%	68%
	MA20	Trên	39%	31%	32%	29%	25%	22%	29%	28%
		Dưới	61%	69%	68%	71%	75%	78%	71%	72%
VN30	MA200	Trên	37%	33%	33%	33%	33%	37%	40%	43%
		Dưới	63%	67%	67%	67%	67%	63%	60%	57%
	MA50	Trên	43%	37%	33%	43%	37%	37%	53%	53%
		Dưới	57%	63%	67%	57%	63%	63%	47%	47%
	MA20	Trên	47%	33%	27%	23%	23%	17%	33%	30%
		Dưới	53%	67%	73%	77%	77%	83%	67%	70%
HNX	MA200	Trên	33%	32%	33%	33%	32%	33%	34%	34%
		Dưới	67%	68%	67%	67%	68%	67%	66%	66%
	MA50	Trên	28%	30%	30%	30%	30%	31%	33%	37%
		Dưới	72%	70%	70%	70%	70%	69%	67%	63%
	MA20	Trên	33%	32%	33%	33%	32%	33%	34%	34%
		Dưới	67%	68%	67%	67%	68%	67%	66%	66%
UPCOM	MA200	Trên	33%	33%	33%	33%	32%	32%	33%	32%
		Dưới	67%	67%	67%	67%	68%	68%	67%	68%
	MA50	Trên	34%	34%	33%	33%	33%	32%	33%	33%
		Dưới	66%	66%	67%	67%	67%	68%	67%	67%
	MA20	Trên	36%	36%	35%	35%	35%	34%	35%	34%
		Dưới	64%	64%	65%	65%	65%	66%	65%	66%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 6										Tháng 5									
	15 ↓	12	11	10	09	08	05	04	03	02	01	29	28	27	26	25	22	21	20	19
1 Du lịch và Giải trí	53	47	51	52	48	49	48	45	42	43	44	44	44	48	48	43	45	45	43	37
2 Tài nguyên Cơ bản	49	44	44	45	44	47	46	44	45	45	49	55	54	52	52	51	48	45	47	50
3 Ngân hàng	48	44	44	47	45	49	51	48	45	48	52	57	59	58	52	48	48	49	50	53
4 Dịch vụ tài chính	46	38	41	41	40	43	44	46	45	48	47	49	50	53	51	49	42	39	42	47
5 Truyền thông	45	43	44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6 Bảo hiểm	42	44	-	-	42	47	38	37	38	42	39	-	-	-	-	31	33	27	30	35
7 Thực phẩm và đồ uống	42	43	43	43	40	41	41	42	40	41	43	43	45	45	45	47	46	45	47	47
8 Xây dựng và Vật liệu	38	37	39	37	37	38	38	38	38	38	33	38	39	38	39	28	30	29	31	32
9 Bất động sản	37	38	39	36	33	34	34	34	35	38	39	40	41	41	39	38	38	43	48	53
10 Bán lẻ	36	30	34	35	31	33	33	34	32	32	33	33	34	34	33	32	32	30	28	27
11 Điện, nước & xăng dầu	34	35	39	39	40	39	38	38	30	35	34	42	43	41	42	37	38	37	40	40
12 Hàng & Dịch vụ Côn...	34	32	34	33	33	36	38	36	34	36	36	41	42	43	43	43	48	51	53	55
13 Ô tô và phụ tùng	34	32	40	42	34	34	42	37	39	41	43	42	39	31	28	28	29	31	33	31
14 Hóa chất	32	33	32	29	30	32	32	31	31	32	32	41	40	42	41	42	44	46	47	53
15 Công nghệ Thông tin	26	28	29	31	30	34	35	36	33	28	22	24	24	27	26	28	29	28	26	22
16 Hàng cá nhân & Gia ...	21	17	19	22	22	22	18	19	19	20	20	21	21	23	24	24	25	24	24	25
17 Dầu khí	18	28	28	28	32	34	32	30	24	26	29	37	35	39	42	46	53	57	56	62

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STB	71,800	1.3%	2.9%	135,358	2.2	29.3	2,454	323.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	183,700	1.6%	3.9%	108,679	4.2	42.8	4,290	197.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCK	34,350	2.8%	5.0%	83,639	2.8	19.2	1,791	301.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
THD	166,200	10.0%	15.8%	63,987	14.4	612.9	271	10.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	48,500	-0.2%	3.2%	62,204	2.8	12.9	3,754	27.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSB	14,850	2.1%	3.8%	50,918	1.2	16.3	912	33.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	79,600	4.7%	4.7%	33,949	2.5	17.9	4,457	326.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCB	12,600	1.2%	6.3%	33,554	1.0	7.9	1,604	53.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAB	12,400	0.8%	5.1%	25,529	1.0	5.7	2,194	20.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ABB	17,000	1.8%	6.3%	23,568	1.3	5.4	3,144	11.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	62,200	1.0%	5.8%	19,907	3.8	71.9	865	87.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PHP	39,100	3.2%	6.3%	12,707	2.0	12.9	3,024	9.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
EVF	13,700	1.9%	1.9%	10,420	1.0	11.3	1,210	46.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VAB	11,000	0.9%	5.3%	8,980	0.9	6.3	1,758	7.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	36,950	-0.1%	3.9%	3,569	1.5	7.9	4,707	10.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MZG	13,000	1.6%	2.4%	1,499	1.0	10.8	1,197	6.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MST	9,400	4.4%	8.0%	1,068	0.9	38.4	245	26.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBG	13,900	3.3%	8.6%	695	1.1	22.5	619	6.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	22,750	-0.4%	4.6%	132,051	1.3	8.1	2,802	363.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	15,400	2.7%	8.5%	48,048	1.1	8.2	1,884	231.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DPM	23,650	-2.3%	-3.5%	16,080	1.4	12.7	1,868	114.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	50,000	0.1%	-1.4%	4,744	2.9	6.8	7,391	9.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	20,250	0.0%	-1.0%	2,382	1.0	9.3	2,181	17.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	78,000	-1.8%	-6.9%	70,183	4.0	5.5	14,074	10.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VRE	28,550	-0.2%	-3.5%	64,875	1.3	9.4	3,025	145.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	95,200	2.7%	-0.3%	60,976	8.0	18.0	5,285	177.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	38,500	-3.9%	-7.7%	48,918	1.9	27.5	1,400	175.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	37,200	-2.6%	-0.8%	19,694	1.7	8.4	4,413	132.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TAL	27,800	0.9%	-4.5%	14,011	2.5	17.3	1,610	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	86,900	-1.0%	-0.8%	9,940	4.5	15.8	5,489	45.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DRC	11,750	0.0%	-1.7%	1,815	0.9	14.5	811	6.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	10,500	1.9%	1.0%	1,617	0.9	11.3	927	17.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDB	8,800	0.0%	-3.3%	109	0.7	39.7	229	6.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	25,200	0.0%	0.4%	126,133	1.6	7.1	3,546	206.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	72,200	1.5%	2.0%	104,395	2.9	22.1	3,268	204.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAG	15,150	-0.7%	-0.3%	19,201	1.3	6.1	2,495	44.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	15,500	0.0%	0.0%	16,558	1.5	31.6	491	32.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DBC	18,850	1.9%	-1.0%	8,125	1.0	5.9	3,184	19.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	18,950	2.4%	2.4%	7,094	1.4	25.9	731	102.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	20,750	1.7%	2.2%	5,525	1.5	5.2	3,992	6.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	11,000	-0.90%	-0.90%	25,500	131.8%	(143)	0.9	-76.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	47,850	4.59%	5.86%	91,200	90.6%	6,911	1.2	6.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	23,250	0.65%	0.22%	42,600	83.2%	1,077	1.4	21.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SZC	23,600	0.00%	6.07%	42,400	79.7%	1,309	1.3	18.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NLG	26,250	3.35%	4.31%	45,800	74.5%	1,599	1.0	16.4	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TV2	28,400	-1.22%	1.43%	49,000	72.5%	1,971	1.5	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVS	37,400	-2.86%	-1.58%	60,000	60.4%	3,781	1.2	9.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BMI	14,450	0.35%	0.00%	23,100	59.9%	1,676	0.7	8.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	19,400	-1.27%	-3.00%	30,800	58.8%	2,211	1.1	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	43,000	2.63%	4.62%	66,800	55.3%	2,896	2.2	14.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	21,200	0.24%	1.92%	32,900	55.2%	1,635	1.3	13.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PLC	21,000	0.00%	-1.87%	31,900	51.9%	(99)	1.4	-213.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,700	0.90%	1.35%	50,000	48.4%	4,906	1.4	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	24,350	4.96%	4.51%	35,400	45.4%	2,499	1.5	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,250	0.96%	2.54%	38,000	44.8%	3,314	1.2	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	123,800	2.31%	-0.56%	178,800	44.4%	5,368	4.7	23.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	25,200	1.41%	2.44%	36,000	42.9%	3,442	1.4	7.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,250	1.92%	2.85%	18,600	40.4%	1,397	0.7	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	72,200	1.55%	1.98%	101,200	40.2%	3,268	2.9	22.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	130,300	0.00%	0.62%	181,700	39.4%	5,341	9.8	24.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn